

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 29-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Hiền;

Ông Tô Đức Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Lệ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Tướng Văn V; tên gọi khác: Không, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1990, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 3, Làng B, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tướng Văn C và bà Đặng Thị N; có vợ: Vũ Hồng A, sinh năm 1988; có 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 26-12-2013 bị Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa); chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26-12-2019 đến nay. Có mặt.

2. Vũ Hải C; tên gọi khác: Không, sinh ngày 15 tháng 3 năm 1990, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 3, Làng B, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quốc T và bà Phạm Thị D; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2020 đến nay. Có mặt.

3. Lê Văn K; tên gọi khác: Không, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1997, tại huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 3, Làng B, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lương Thị H; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-01-2020 đến nay. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Lương Tuấn T, sinh năm 1991. Vắng mặt;
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt;
3. Anh Dương Minh P, sinh năm 1993. Vắng mặt;
4. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991. Vắng mặt;
5. Anh Phùng Văn Đ, sinh năm 1987. Vắng mặt;
6. Bà Đặng Thị T, sinh năm 1972. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 25-12-2019, Tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đội quản lý thị trường số 9 làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát chống buôn lậu tại khu vực ngã 3 bê tông thuộc thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, phát hiện 01 xe mô tô 3 bánh, màu đỏ không biển kiểm soát, đằng sau có thùng, chở 10 bao tải dừa màu xanh, do Lương Tuấn T điều khiển, có biểu hiện nghi vấn chở hàng hóa nhập lậu. Qua kiểm tra sơ bộ, Tổ công tác phát hiện trong các bao tải là hàng quần áo, giày dép...và phát hiện trong bao tải dừa màu xanh, bên ngoài có ghi “TIỀN LS” và ký hiệu “MOHL” đánh số 79 và (4) có 01 thùng cát tông màu nâu, bên ngoài thùng có in chữ Trung Quốc và Tiếng Anh màu đen, bên trong có 08 khối hình hộp, mỗi khối có kích thước 14,5cm x 14,5cm x 15cm, bên trong mỗi khối hình hộp có 36 vật hình trụ liên kết với nhau, nghi là pháo nổ. Tổ công tác đã đưa Lương Tuấn T cùng toàn bộ hàng hóa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V để làm rõ sự việc và tiến hành cân 08 hộp hình khối nghi là pháo nổ, có tổng trọng lượng 11 kilôgam (đã trừ bì). Lương Tuấn T khai bản thân làm nghề lái xe chở hàng thuê cho người khác, chỉ biết hàng hóa nhận chở là hàng hóa nhập lậu từ Trung Quốc chứ không biết bên trong có những loại hàng hóa gì. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc và tạm giữ tang vật 08 hộp hình khối nghi là pháo nổ theo quy định và tạm giữ của Lương Tuấn T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO, 01 xe mô tô 3 bánh.

Cùng ngày 25-12-2019, Trưởng Văn V đến cơ quan điều tra Công an huyện Văn Lãng để đầu thú và nhận số pháo trên là của Trưởng Văn V. Tạm giữ của Trưởng Văn V 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S.

Tại bản kết luận giám định số 37/KL-PC09 ngày 27-12-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Mẫu vật gửi giám định có chứa thuốc pháo; khi đốt gây ra tiếng nổ.

Ngày 10-01-2020 Vũ Hải C và Lê Văn K cùng trú tại thôn 3, Làng B, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đến Công an huyện Văn Lãng đầu thú và khai nhận số pháo nổ mà lực lượng chức năng thu giữ ngày 25-12-2019 là của C và K mua tại Trung Quốc để đem về quê đốt, số pháo trên sau khi bị lực lượng chức năng bắt giữ, C đã nhờ V đến cơ quan Công an để nhận tội thay cho C. Tạm giữ của Vũ Hải C 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S, 01 chứng minh nhân dân; tạm giữ của Lê Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, 01 chứng minh nhân dân.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 11-5-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn để xét xử bị cáo Tướng Văn V về tội: “Che giấu tội phạm” theo điểm d khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Tướng Văn V, Vũ Hải C và Lê Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 389, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tướng Văn V. Tuyên bố bị cáo Tướng Văn V phạm tội: “Che giấu tội phạm”. Đề nghị xử phạt bị cáo Tướng Văn V mức án từ 06 đến 09 tháng tù giam. Áp dụng điểm k khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K. Tuyên bố các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K mức án 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có tài sản gì.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 11 kilôgam pháo nổ đã tiêu hủy không đề nghị xem xét giải quyết nữa; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, các bị cáo đã dùng liên lạc vào việc phạm tội, đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước; 02 USB lưu giữ đoạn video, lưu trong hồ sơ vụ án; trả lại cho các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K chứng minh nhân dân.

Các bị cáo Tướng Văn V, Vũ Hải C và Lê Văn K thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Tường Văn V, Vũ Hải C và Lê Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng và tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 13 giờ ngày 24-12-2019, Vũ Hải C, Lê Văn K sang Trung Quốc đóng hàng hóa thuê, Lê Văn K điều khiển xe đi vào một cửa hàng mua được 08 hộp pháo loại 36 quả với giá 600.000 đồng, mang đến kho, Lê Văn K bốc hàng xuống và chỉ cho Vũ Hải C biết thùng có pháo. Bị cáo Vũ Hải C đóng số hàng vào bao tải và cân các bao hàng đã đóng, khi cân đến bao hàng có pháo có trọng lượng 79 kg, Vũ Hải C lấy bút ghi số cân “79” lên bao để đánh dấu là bao có chứa pháo. Khoảng 05 giờ ngày 25-12-2019, Lương Tuấn T điều khiển xe mô tô 3 bánh chở 10 bao tải dứa màu xanh, thì bị Tổ công tác Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đội quản lý thị trường số 9 làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát chống buôn lậu tại khu vực ngã 3 bê tông thuộc thôn C, xã T, huyện Văn Lãng, kiểm tra phát hiện trong các bao tải là hàng quần áo, giày dép... và phát hiện trong bao tải dứa màu xanh bên ngoài có ghi đánh số 79 có 01 thùng cát tông, bên trong có 08 khối hình hộp, là pháo nổ, có tổng trọng lượng 11 kilôgam (đã trừ bì), khi biết số pháo đã bị tạm giữ cùng số hàng của anh T, Vũ Hải C đã nhờ Tường Văn V nhận hộ, V đã đồng ý vì nghĩ số pháo ít sẽ không đủ trọng lượng để khởi tố. Nên V đã đi cùng C lên cơ quan chức năng để làm việc. V đã đứng ra đầu thú về việc mình thực hiện hành vi mua pháo bên Trung Quốc sau đó cho lẫn vào hàng hóa trong bao tải để vận chuyển về Việt Nam nhằm mục đích để đốt trong dịp tết. Mặc dù không phải là người thực hiện hành vi phạm tội, nhưng sau khi được C nói cho biết toàn bộ sự việc phạm tội của C và K mua pháo, V đã che giấu người phạm tội và nhận tội thay cho C và K. Do đó, có căn cứ để khẳng định bị cáo Tường Văn V phạm tội “Che giấu tội phạm” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 389 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K phạm tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Tường Văn V về tội “Che giấu tội phạm”; các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K về tội “Vận chuyển hàng cấm”, là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về vai trò của từng bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Tường Văn V được Vũ Hải C nói cho biết là pháo bị Công an bắt, không khuyên C và K đến

tự thú, vẫn che giấu và đến Đội quản lý thị trường số 9 nhận hộ, nên bị cáo Tường Văn V phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Che giấu tội phạm”, bị cáo Vũ Hải C bỏ tiền ra mua pháo và đóng lãn vào các bao hàng và nhờ Tường Văn V nhận pháo hộ, nên cần xử phạt bị cáo Vũ Hải C mức án nặng hơn bị cáo Lê Văn K, nhưng bị cáo Lê Văn K là người trực tiếp mua pháo vận chuyển về cho Vũ Hải C đóng vào bao tải, nên cũng phải chịu mức hình phạt nghiêm theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tại địa phương và xã hội, nhất là pháo nổ mà Đảng và Nhà nước đã cấm từ rất lâu, các bị cáo cũng biết được là pháo nổ là hàng cấm, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử lý nghiêm áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung. Tuy vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Tường Văn V chưa có tiền án, có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc đã được xóa; về tình tiết tăng nặng không có; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo dân tộc dao, sinh sống ở vùng 135 nhận thức pháp luật còn hạn chế, là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[6] Về nhân thân: Bị cáo Vũ Hải C chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội đến Công an đầu thú, bị cáo sinh sống ở vùng 135 nhận thức pháp luật còn hạn chế, mẹ bị bệnh tật, bị cáo là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn K chưa có tiền án, tiền sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ, là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội đến Công an đầu thú, bị cáo sinh sống ở vùng 135 nhận thức pháp luật còn hạn chế, bố bị suy thận, bị cáo là lao động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 191 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Vũ Hải C sống lệ thuộc gia đình, không có tài sản gì, bị cáo Lê Văn K sinh sống cùng bố mẹ, không có tài sản gì, các bị

cáo đầu sinh sống thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn 135 (thể hiện tại các biên bản xác minh ngày 14-01-2020). Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với người bán pháo cho Vũ Hải C, Lê Văn K, là người Trung Quốc, nên cơ quan điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[10] Đối với ông T, bà T là chủ hàng và anh Lương Tuấn T lái xe thuê cho ông Nguyễn Bá N, nhưng không biết thùng hàng ghi 79 bên trong đựng pháo nổ. Nên không liên quan.

[11] Đối với anh Dương Minh P đi Vũ Hải C, Lê Văn K sang Trung Quốc đóng hàng thuê cho anh T, nhưng không biết C, K mua pháo nổ vận chuyển về Việt Nam. Nên không liên quan.

[12] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị mức án, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[13] Về vật chứng của vụ án Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 11 kilôgam pháo nổ đã tiêu hủy (theo biên bản tiêu hủy ngày 25-02-2020); đối với chiếc điện thoại của anh Lương Tuấn T đã trả lại (theo biên bản trả lại tài sản ngày 09-01-2020); đối với chiếc xe mô tô 3 bánh của ông Hoàng Bá N đã trả lại (theo biên bản trả lại tài sản ngày 13-01-2020), nên không xem xét giải quyết nữa; đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEL, các bị cáo đã dùng liên lạc vào việc phạm tội, tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước; đối với 02 USB lưu giữ đoạn video; 01 đĩa CD sao các đoạn video (đoạn 1 C ngồi phân loại hàng trước cửa kho; đoạn 2 C đang đóng hàng hóa vào bao; đoạn 3 tại nhà bà T). Lưu trong hồ sơ vụ án; đối với 02 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Hải C và Lê Văn K, là giấy tờ tùy thân, nên trả lại cho các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K.

[14] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 389, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn V.

Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K.

Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 1, điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a

khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Tướng Văn V phạm tội: Che giấu tội phạm. Các bị cáo Vũ Hải C, Lê Văn K phạm tội: Vận chuyển hàng cấm.

2. Hình phạt:

1- Xử phạt bị cáo Tướng Văn V thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (tạm giam từ ngày 26-12-2019 đến ngày 29-6-2020) là 06 tháng 03 ngày tù. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

2- Xử phạt bị cáo Vũ Hải C 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Vũ Hải C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3- Xử phạt bị cáo Lê Văn K 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Lê Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, số IMEI có bốn số cuối là 6166, đã qua sử dụng, gắn 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, có số IMEI bốn số cuối là 2503, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình, gắn 01 sim Viettel; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEL, số IMEI 1 có bốn số cuối là 0763, đã qua sử dụng, bị nứt vỡ màn hình, gắn 02 sim Viettel.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Hải C: 01 chứng minh nhân dân mang tên Vũ Hải C.
- Trả lại cho bị cáo Lê Văn K: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn K.

(Các vật chứng trên được ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13- 5- 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn).

- Lưu trong hồ sơ 02 USB lưu giữ đoạn video; 01 đĩa CD sao các đoạn video.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Văn V, Vũ Hải C và Lê Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQ điều tra Công an huyện Văn Lãng;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Văn Lãng;
- Các bị cáo;
- UBND xã T, h. H, t. Tuyên Quang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Triệu Thị Máy